

CÔNG TY CỔ PHẦN
VINACAFÉ BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ..84.../2020/CV-VCF

Đồng Nai, ngày 9 tháng 12 năm 2020

V/v điều chỉnh lỗi nhập liệu tại Phụ
lục danh mục chỉ tiêu và mức công bố

Kính gửi: **Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Bình Dương**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa gửi lời cảm ơn sự hỗ trợ của Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Bình Dương trong thời gian qua.

Công ty là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm THỰC PHẨM BỔ SUNG – NƯỚC TĂNG LỰC VỊ CÀ PHÊ WAKE-UP COFFEE 247 - MT theo Bản tự công bố sản phẩm số: 007/VCF/2020 đã được Công ty tự công bố theo trình tự tại điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật an toàn thực phẩm.

Bằng Công văn này theo Khoản 4, Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP Công ty chúng tôi thông báo điều chỉnh nội dung lỗi nhập liệu ở tại Phụ lục danh mục chỉ tiêu và mức công bố - mục 2 - Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu - cột “Tên chỉ tiêu”, thứ tự dòng số 7, cụ thể:

- Nội dung cũ: *Hàm lượng choline*
- Nội dung điều chỉnh: **Hàm lượng choline (bitartrate)**

Công ty cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin: tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không đổi với thông tin đã công bố. Đính kèm là bản Phụ lục danh mục chỉ tiêu và mức công bố đã cập nhật.

Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐOÀN QUỐC HƯNG



Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 007/VCF/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA	NHÓM SẢN PHẨM ĐỒ UỐNG KHÔNG CÒN	Số TCCS 02:2020/BH103
	THỰC PHẨM BỔ SUNG – NƯỚC TĂNG LỰC VỊ CÀ PHÊ WAKE-UP COFFEE 247 - MT	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng, trong, không lắng cặn.
- Màu: Màu nâu đen.
- Mùi, vị: Mùi thơm đặc trưng, vị hài hòa, tê lưỡi của khí CO₂, không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ acid (tính theo acid citric)	g/l	≤ 1,4
2	Hàm lượng carbohydrate	g/100 ml	≥ 12,5
3	Giá trị năng lượng	kcal/100 ml	≥ 50,0
4	Hàm lượng CO ₂	g/l	≥ 2,0
5	Hàm lượng taurine	mg/l	2100 – 3900
6	Hàm lượng caffeine	mg/l	227,2 – 409,7
7	Hàm lượng choline (bitartrate)	mg/l	108,5 – 201,5
8	Hàm lượng L-Lysine	mg/l	120,3 – 223,4
9	Hàm lượng inositol	mg/l	120,3 – 223,4
10	Hàm lượng niacinamide (vitamin B3) (*)	mg/l	59,4 – 105,6
11	Hàm lượng pyridoxine (vitamin B6) (*)	mg/l	9,4 – 17,4
12	Hàm lượng cyanocobalamin (vitamin B12) (*)	µg/l	≥ 13,1

(*) Mức đáp ứng Lượng dùng khuyến cáo hằng ngày cho người Việt Nam (RNI) được tính toán chi tiết ở mục 6.



3. **Các chỉ tiêu vi sinh vật:** theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 ²
2	Coliforms	CFU/ml	10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/ml	Không có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/l	0,05

5. **Danh mục phụ gia thực phẩm:** tra cứu theo Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 14.1.4 Đồ uống hương liệu, bao gồm đồ uống “thể thao”, “năng lượng” hoặc “điện giải” và các đồ uống đặc biệt khác

TT	Tên phụ gia	Chú thích
1	Carbon dioxyd (290)	
2	Caramen nhóm III (150c)	
3	Acid phosphoric (338)	Tính theo phospho
4	Acid citric (330)	
5	Kali sorbat (202)	Tính theo acid sorbic
6	Natri benzoat (211)	Tính theo acid benzoic
7	Hương liệu (hương cà phê, hương vani) tổng hợp	

6. **Mức đáp ứng RNI của các vitamin:** Tính toán cho người trưởng thành theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014



TT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố trong 1 lít sản phẩm	Lượng tiêu thụ khi dùng 330 ml sản phẩm (**)	Mức đáp ứng RNI, %			
				Nam trưởng thành 19 - 50 tuổi	Nam trưởng thành > 51 tuổi	Nữ trưởng thành 19 - 50 tuổi	Nữ trưởng thành > 51 tuổi
1	Hàm lượng vitamin B3	(59,4 – 105,6) mg	(19,6 – 34,8) mg	122,5 – 217,5	122,5 – 217,5	140,0 – 248,6	140,0 – 248,6
2	Hàm lượng vitamin B6	(9,4 – 17,4) mg	(3,1 – 5,7) mg	238,5 – 438,5	182,4 – 335,3	238,5 – 438,5	206,7 – 380,0
3	Hàm lượng vitamin B12	$\geq 13,1$ μ g	$\geq 4,3$ μ g	$\geq 179,2$	$\geq 179,2$	$\geq 179,2$	$\geq 179,2$

$$(**) \text{ Lượng tiêu thụ khi dùng 330 ml sản phẩm} = \frac{\text{Mức công bố} \times 330}{1000}$$

$$\text{Mức đáp ứng RNI} = \frac{\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 330 ml sản phẩm} \times 100}{\text{Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam cho người trưởng thành}}$$

Lượng dùng khuyến nghị: 1 chai 330 ml/ngày

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: <https://vinacafebienhoa.com/>
 Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.